TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1199/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan.

2. Bà Trần Thị Mai Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 267/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 375/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số B đường P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Tô Văn L1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số B đường P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà và ông Tô Văn L1 tự nguyện quen biết và yêu thương nhau đến năm 2016 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81/2016 ngày 12 tháng 9 năm 2016. Bà và ông L1 chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc, không còn quan tâm đến nhau nên gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông L1 đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải

quyết được mâu thuẫn. Bà và ông L1 đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L yêu cầu ly hôn với ông Tô Văn L1.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Tô Trương Minh H, sinh ngày 02/3/2016. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông Tô Văn L1 và giấy triệu tập ông L1 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông L1 vắng mặt. Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L1 nhưng ông L1 không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trương Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Tô Văn L1. Về con chung: Do con chung là trẻ Hiền trước giờ vẫn do bà L chăm sóc nên khi ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Tô Trương Minh H, sinh ngày 02/3/2016 và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn là ông Tô Văn L1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, bà Trương Thị L và ông Tô Văn L1 đã phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị L. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị L được ly hôn với ông Tô Văn L1; Về con chung: Giao con chung tên là Tô Trương Minh H, sinh ngày 02/3/2016 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông L1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trương Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tô Văn L1, đây là quan hệ: "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Tô Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông L1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81/2016 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12 tháng 9 năm 2016, xác định hôn nhân giữa bà Trương Thị L và ông Tô Văn L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà L trình bày giữa chị và ông Tô Văn Lành tính T không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông L1 không còn quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà L và ông L1 đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía ông L1, Tòa án đã triệu tập ông L1 tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà L và ông L1 hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông L1 vẫn không có mặt thể hiện ông L1 không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về người trực tiếp nuôi con: Tại Bản tự khai ngày 23/4/2024, trẻ Tô Trương Minh H trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ. Hiện nay trẻ H đang chung sống với bà L. Để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của trẻ Tô Trương Minh H, sinh ngày 02/3/2016, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H, ông L1 không cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu trong vụ án này. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Tô Văn L1 cho đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L được ly hôn với ông Tô Văn L1 (Giấy chứng nhận kết hôn số số 81/2016 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12 tháng 9 năm 2016 không còn hiệu lực).

Về con chung: Giao cho bà Trương Thị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Tô Trương Minh H, sinh ngày 02/3/2016 cho đến khi trẻ Tô Trương Minh H đủ 18 tuổi. Ông Tô Văn L1 không cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Tô Văn L1 cho đến khi có yêu cầu.

Ông Tô Văn L1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Trương Thị L phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012715 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Thị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tô Văn L1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND quận Gò Vấp, TP . HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP . HCM;
- UBND thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Mộng Tuyền